



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN
422 NGUYỄN TẤT THÀNH, P. 18, Q. 4, TP. HCM
ĐT: (028) - 3826 1627 Fax: (028) - 3940 4300

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

TPHCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

422 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp.HCM

Mã số thuế : 0302590764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		31.134.618.967	30.341.800.198
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.534.176.487	4.392.609.014
1. Tiền	111		3.534.176.487	4.392.609.014
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.774.094.863	24.659.016.328
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		21.231.665.396	19.798.255.895
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.533.379.111	5.851.710.077
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(990.949.644)	(990.949.644)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		13.869.866	4.855.100
1. Hàng tồn kho	141		13.869.866	4.855.100
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		812.477.751	1.285.319.756
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		746.574.218	722.931.581
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.903.533	562.388.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		45.318.463.707	45.378.014.367
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II. Tài sản cố định	220	42.223.883.079	39.269.237.313
1. Tài sản cố định hữu hình	221	42.223.883.079	39.269.237.313
- Nguyên giá	222	69.168.075.886	63.660.440.250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(26.944.192.807)	(24.391.202.937)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		
III. Bất động sản đầu tư	230		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	845.593.364	3.874.720.637
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	845.593.364	3.874.720.637
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	557.784.472	557.784.472
1. Đầu tư vào công ty con	251	1.500.000.000	1.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(942.215.528)	(942.215.528)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1.691.202.792	1.676.271.945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.691.202.792	1.676.271.945
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270	76.453.082.674	75.719.814.565

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		31.365.875.409	32.060.201.727
I. Nợ ngắn hạn	310		31.365.875.409	32.060.201.727
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.512.511.637	13.340.724.341
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		470.389.353	470.389.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		714.006.317	794.050.105
4. Phải trả người lao động	314		910.244.443	1.371.932.066
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		106.727.274	267.645.454
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		7.748.116.500	8.911.580.523
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		8.900.000.000	6.900.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.879.885	3.879.885
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		45.087.207.265	43.659.612.838
I. Vốn chủ sở hữu	410		45.087.207.265	43.659.612.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.095.500.000	43.095.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.580.010.000	21.580.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			

5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.973.630.542	10.973.630.542
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.561.933.277)	(31.989.527.704)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(31.989.527.704)	(31.989.527.704)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.427.594.427	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		76.453.082.674	75.719.814.565

Người lập



Nguyễn Tiến Hà

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hào

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 THÁNG ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		59.866.068.728	48.675.279.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10		59.866.068.728	48.675.279.095
4. Giá vốn hàng bán	11		54.662.138.646	42.826.612.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		5.203.930.082	5.848.667.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		20.021.450	496.439.361
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		353.960.799	588.893.020
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		333.826.170	210.000.006
8. Chi phí bán hàng	24		827.987.977	752.335.053
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.067.787.131	2.405.738.054
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.974.215.625	2.598.140.314
11. Thu nhập khác	31		50.052.930	274.412.023
12. Chi phí khác	32		239.775.521	35.358.516
13. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		(189.722.591)	239.053.507
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30 + 40)	50		1.784.493.034	2.837.193.821
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		356.898.607	567.438.764
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50 - 51 - 52)	60		1.427.594.427	2.269.755.057
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		331	527
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

HÀNG HẢI

SÀI GÒN

QUẬN 4 - TP. HCM

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Tiến Hà

Đoàn Thị Hào

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	6 THÁNG ĐẦU NĂM	
				Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			Năm nay	Năm trước
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.784.493.034	2.837.193.821
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
	- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		2.663.389.870	1.987.642.248
	- Các khoản dự phòng	03		-	-
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(12.787.272)
	- Chi phí lãi vay	06		333.826.170	210.000.006
	- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		4.781.709.074	5.022.048.803
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.858.862.240)	(3.601.577.025)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.014.766)	38.192
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.977.885.496)	6.963.281.070
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(38.573.484)	395.669.589
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(333.826.170)	(210.000.006)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(681.959.904)	(200.267.940)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(5.495.977)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118.412.986)	8.363.696.706

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				Năm nay	Năm trước
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.773.904.541)	(3.491.144.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		33.885.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	2.455.667
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.740.019.541)	(3.488.688.333)

III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			Năm nay	Năm trước
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.000.000.000	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.000.000.000	-

	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20 + 30 + 40)	50		(858.432.527)	4.875.008.373
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.392.609.014	7.277.526.472
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50 + 60 + 61)	70		3.534.176.487	12.152.534.845

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Nguyễn Tiên Hà
Người lập biểu



Đoàn Thị Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển. Đại lý container; vận tải đa phương thức (đường biển, đường sông, đường bộ); đại lý giao nhận hàng hóa đường biển, hàng không, đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm nay lợi nhuận của Công ty giảm đáng kể so với năm trước nguyên nhân chủ yếu là do năm nay giá cước tàu vận chuyển giảm mạnh do sự cạnh tranh của các đối thủ kinh doanh. Trong khi đó, các chi phí đầu vào (xăng, dầu, vận chuyển,...) không có biến động đáng kể.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 15B tổ 20, phường Văn Chương, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Phòng 1-2 tầng 7, Toà nhà Thành Đạt, 3 Lê Thánh Tôn, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Cần Thơ	Số 27 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, TP. Cần Thơ
Văn phòng đại diện tại An Giang	Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2017 có 112 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 115 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	808.288.869	1.213.888.409
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.109.497.618	3.178.720.605
Cộng	<u>2.917.786.487</u>	<u>4.392.609.014</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Điện máy Aqua Việt Nam	763.730.000	668.400.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunhouse	305.600.000	1.389.571.000
Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam	359.040.000	643.280.000
Công ty Cổ phần Nam Việt	915.255.000	1.056.385.000
Công ty TNHH Thương mại Hiếu Bắc	2.408.174.000	2.115.706.920
Công ty Vận tải biển Container Vinalines	2.924.071.750	3.353.075.000
Công ty Cổ Phần Thủy Sản NTSF	1.113.019.500	-
Các khách hàng khác	12.442.775.146	10.571.837.975
Cộng	21.231.665.396	19.798.255.895

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

3a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng nhân viên	1.621.547.639	-	1.260.522.941	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	253.380.000	-	283.380.000	-
Ứng trước tiền cho nhà cung cấp dịch vụ tàu	3.919.876.862	-	3.474.720.458	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	389.497.679	-	833.086.678	-
Cộng	6.184.302.180	-	5.851.710.077	-

3b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

4. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin		78.772.400	-		78.772.400	-
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	trên 03 năm	78.772.400	-	trên 03 năm	78.772.400	-
Công ty Cổ phần An Xuyên		107.670.500	-		107.670.500	-
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	trên 03 năm	107.670.500	-	trên 03 năm	107.670.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng DELTA - AGF		-	-		-	-
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	trên 03 năm	-	-	trên 03 năm	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đại Dương Xanh		480.042.800	144.012.840-		480.042.800	144.012.840-
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	trên 03 năm	480.042.800	144.012.840-	trên 03 năm	480.042.800	144.012.840-
Bright Joint Stock Company		168.889.944	-		168.889.944	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>168.889.944</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>168.889.944</i>	
Phải thu các tổ chức khác		166.574.000	11.000.000	166.574.000	11.000.000
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>từ 01 đến 02 năm</i>	<i>22.000.000</i>	<i>11.000.000</i>	<i>từ 01 đến 02 năm</i>	<i>11.000.000</i>
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>144.574.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>-</i>
Cộng		1.001.949.644	11.000.000	1.001.949.644	11.000.000

5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí chờ kết chuyển ngắn hạn	746.574.218	722.931.581
Chi phí chờ kết chuyển dài hạn	1.691.202.792	1.676.271.945
Cộng	2.437.777.010	2.399.203.526

6. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	63.193.504.832	466.935.418	63.660.440.250
Mua trong kỳ	5.618.035.636		5.618.035.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			
Thanh lý, nhượng bán	-110.400.000		-110.400.000
Giảm khác			
Số cuối kỳ	68.701.140.468	466.935.418	69.168.075.886
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	24.052.122.004	339.080.933	24.391.202.937
Khấu hao trong kỳ	2.663.389.870		2.663.389.870
Thanh lý, nhượng bán	-110.400.000		-110.400.000
Giảm khác			
Số cuối kỳ	26.605.111.874	339.080.933	26.944.192.807
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	39.141.382.828	127.854.485	39.269.237.313
Số cuối kỳ	42.096.028.594	127.854.485	42.223.883.079
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	3.392.763.637	2.424.756.363	(5.453.883.636)	-	363.636.364
Xây dựng cơ bản dở dang	481.957.000	-	-	-	481.957.000
<i>Công trình lầu 7 Cao ốc Đình Lễ</i>	<i>481.957.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>481.957.000</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-	-
Cộng	<u>3.393.245.594</u>	<u>2.424.756.363</u>	<u>(5.453.883.636)</u>		<u>845.593.364</u>

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào công ty con là Công ty TNHH Vạn Phú.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Hiện tại, Công ty TNHH Vạn Phú đang làm thủ tục giải thể.

Giao dịch với công ty con

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>112.612.710</i>	<i>112.612.710</i>
Công ty TNHH Vạn Phú	112.612.710	112.612.710
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>12.399.898.927</i>	<i>13.228.111.631</i>
Công ty Cổ phần Cảng An Giang	898.862.756	-
Công ty Cổ phần Vận tải Linh Ngọc	1.169.914.000	2.282.828.000
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	2.241.152.250	1.368.406.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Container Vinalines	1.072.900.000	2.604.850.000
Công ty TNHH & DV vận tải Tuấn Hưng	3.106.009.250	1.422.845.000
Các nhà cung cấp khác	3.911.060.671	5.549.182.631
Cộng	12.512.511.637	13.340.724.341

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Vạn Phú – công ty con.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	6.036.606.475	(6.036.606.475)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	605.216.831	-	356.898.607	(681.959.904)	280.155.534	-
Thuế thu nhập cá nhân	58.475.229	-	202.145.223	(203.887.993)	56.732.459	-
Các loại thuế khác	130.358.045	-	-	-	130.358.045	-
Cộng	794.050.105	-	-	-	467.246.038	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận chuyển trong nước 10%
- Cho thuê mặt bằng, thủ tục phí, dịch vụ đại lý tàu 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.784.493.034	5.756.546.951
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.461.738.803
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(86.857.116)
Thu nhập chịu thuế	1.784.493.034	7.131.428.638
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.784.493.034	7.131.428.638
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	356.898.607	1.426.285.728

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này	Năm trước
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>(56.344.864)</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	280.155.534	1.426.285.728

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 của CBCNV.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thù lao Hội đồng quản trị	84.000.000	132.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	22.727.274	135.645.454
Cộng	106.727.274	267.645.454

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	78.704.434	97.730.874
Các khoản phải trả liên quan đến thanh lý tàu SHC	90.909.101	64.901.498
Nhân viên ứng tiền	256.481.241	196.220.360
Phải trả liên quan đến hoạt động đại lý tàu	5.914.961.653	4.690.288.586
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	519.660.488	3.862.439.205
Cộng	6.860.716.917	8.911.580.523

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>
Vay Ông Nguyễn Xuân Cường	1.500.000.000	1.500.000.000
Vay Bà Đoàn Thị Hào	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay Ông Bạch Thái Dũng	1.100.000.000	1.100.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các cá nhân khác</i>	<i>4.300.000.000</i>	<i>3.300.000.000</i>
Vay Ông Nguyễn Văn Dân	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Lợi	2.600.000.000	1.600.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	200.000.000	200.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	500.000.000	500.000.000
Vay Ông Nguyễn Đình Hiệu	1.000.000.000	-
Cộng	8.900.000.000	6.900.000.000

Khoản vay của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	43.095.500.000	21.580.010.000	10.973.630.542	(36.319.788.927)	39.329.351.615
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.330.261.223	4.330.261.223
Số dư cuối năm trước	43.095.500.000	21.580.010.000	10.973.630.542	(31.989.527.704)	43.659.612.838
Số dư đầu năm nay	43.095.500.000	21.580.010.000	10.973.630.542	(31.989.527.704)	43.659.612.838
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.427.594.427	1.427.594.427
Số dư cuối quý này	43.095.500.000	21.580.010.000	10.973.630.542	(30.561.933.277)	45.087.207.265

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.374.000.000	4.374.000.000
Các cổ đông khác	38.721.500.000	38.721.500.000
Cộng	43.095.500.000	43.095.500.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.309.550	4.309.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.309.550	4.309.550
- Cổ phiếu phổ thông	4.309.550	4.309.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.309.550	4.309.550
- Cổ phiếu phổ thông	4.309.550	4.309.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

17a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày 30/06/2017, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 69.245,06 USD (số đầu năm là 78.632,73 USD).

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này (6Tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vận tải đường sông	18.988.908.078	35.379.813.117
Doanh thu đại lý hàng hải	1.859.085.499	3.755.238.439
Doanh thu vận chuyển Bắc Nam	37.135.621.443	63.734.712.356
Doanh thu cho thuê kho bãi, giao nhận	1.882.453.708	4.485.841.676
Cộng	<u>59.866.068.728</u>	<u>107.355.605.588</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này (6Tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vận tải đường sông	18.073.446.891	33.553.937.590
Giá vốn đại lý hàng hải	644.068.617	1.425.747.890
Giá vốn vận chuyển Bắc Nam	34.449.614.903	56.867.661.581
Giá vốn cho thuê kho bãi, giao nhận	1.495.008.235	3.303.650.110
Cộng	<u>54.662.138.646</u>	<u>25.956.082.682</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.571.004	15.007.777
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.450.446	174.301.677
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	302.380.071
Cộng	<u>20.021.450</u>	<u>491.689.525</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	333.826.170	423.091.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.134.629	11.974.177
Cộng	<u>353.960.799</u>	<u>435.065.585</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.059.591.343	2.168.042.416
Chi phí vật liệu quản lý	118.875.248	209.304.664
Thuế, phí và lệ phí	48.439.998	44.211.780
Chi phí khấu hao TSCĐ cty quản lý	23.327.429	155.012.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.621.292	1.437.108.650
Các chi phí khác	299.931.822	832.235.377
Cộng	2.067.787.132	4.845.915.727

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.804.545	184.571.422
Xử lý công nợ		70.424.969
Các khoản thu nhập khác	19.248.385	39.776.281
Cộng	50.052.930	294.772.672

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.607.297	24.905.107
Tiền bồi thường	199.168.224	60.174.440
Xử lý công nợ	-	9.151.000
Các khoản chi phí khác	36.000.000	48.035.194
Cộng	239.775.521	142.265.741

9. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.427.594.427	4.330.261.223
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.427.594.427	4.330.261.223
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.309.550	4.309.550
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	331	1.005

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
-------------------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này (6 tháng)</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.088.671.419	14.368.689.863
Chi phí nhân công	6.835.455.480	14.725.837.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.613.998.491	4.078.884.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.710.064.133	64.846.101.518
Chi phí khác	413.950.123	3.575.105.321
Cộng	54.662.138.646	101.594.618.587

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh giao dịch vay tiền với các thành viên Ban điều hành với số tiền là 3.600.000.000 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.15.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Vạn Phú là công ty con.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.9 và V.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Vận tải đường sông.
- Lĩnh vực 02: Vận chuyển Bắc Nam.
- Lĩnh vực 03: Dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực vận tải đường sông	Lĩnh vực vận chuyển Bắc Nam	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này (6 tháng đầu năm)				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.988.908.078	37.135.621.443	3.741.539.207	59.866.068.728
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.988.908.078	37.135.621.443	3.741.539.207	59.866.068.728
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.575.739.422)	1.218.828.612	1.522.135.652	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.974.215.625
Doanh thu hoạt động tài chính				20.021.450
Chi phí tài chính				353.960.799
Thu nhập khác				50.052.930
Chi phí khác				239.775.521
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(356.898.607)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.427.594.427

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực vận tải đương sông	Lĩnh vực vận chuyển Bắc Nam	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	35.379.813.117	63.734.712.356	8.241.080.115	107.355.605.588
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.379.813.117	63.734.712.356	8.241.080.115	107.355.605.588
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(297.666.325)	3.041.611.430	3.017.041.895	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.760.987.001
Doanh thu hoạt động tài chính				278.118.604
Chi phí tài chính				(435.065.585)
Thu nhập khác				294.772.672
Chi phí khác				(142.265.741)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.426.285.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.330.261.223

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro ngoại tệ.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp dịch vụ cho một số khách hàng với đồng tiền giao dịch là USD, do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thu các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ giữa ngoại tệ và VND.

Công ty chỉ có tiền ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 69.245,06 USD (số đầu năm là 78.63,73USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1-2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không thế chấp tài sản tài chính nào cho đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.534.176.487	-	4.392.609.014	-
Phải thu khách hàng	21.231.665.396	-	19.798.255.895	(822.059.700)
Các khoản phải thu khác	4.309.374.541	-	4.591.187.136	(168.889.944)
Cộng	29.075.216.424	-	28.782.052.045	(990.949.644)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán	12.512.511.637	13.340.724.341
Vay và nợ	8.900.000.000	6.900.000.000
Các khoản phải trả khác	4.798.799.060	8.949.495.103
Cộng	26.211.310.697	29.190.219.444

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc 30/06/2017

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2017 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2017



Nguyễn Tiên Hà
Người lập biểu



Đoàn Thị Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh
Tổng Giám đốc